



bō lí

玻璃

Noun · glass

Example Sentences

zhè shì bō lí
这是玻璃。

This is glass.

chuāng hù de bō lí hěn gān jìng
窗 户的玻璃很干净。

The glass of the window is very clean.

zhè zuò mó tiān dà lóu de bō lí mù qiáng zài yáng guāng xià yì yì shēng huī
这座摩天大楼的玻璃幕墙在阳 光 下熠熠生 辉。

The glass curtain wall of this skyscraper
glitters brilliantly in the sunlight.

Trace each character, then write the word on your own.

玻	玻	玻	玻	玻	玻	玻	玻	玻	玻	玻
玻										

璃	璃	璃	璃	璃	璃	璃	璃	璃	璃	璃
璃	璃	璃	璃	璃	璃					